

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 473****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 28.06.2011****Địa điểm: Cao Hùng\_Đài Loan**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 597, bắt đầu xem từ câu sau cùng trong hàng thứ ba. “Chí ư Ngụy Dịch tác tuệ do tâm xuất”, bắt đầu xem từ đây.

Tịnh Ảnh Sớ chú giải rất đơn giản, Tịnh Ảnh Sớ chú thích rằng: “Chân giải phát trung, danh tuệ tâm xuất”. Trí tuệ do tâm sanh ra, mới có thể thật sự lãnh hội được, chính là “chân giải phát trung”. Chân giải xuất phát từ trong tâm, nó không ở bên ngoài, đây gọi là “tuệ tâm xuất”.

Cái gọi là hiểu ngộ chân thật, phát xuất từ tâm, gọi là tuệ do tâm sanh. Đây là nói rõ cho chúng ta, trí tuệ chân thật không phải có được từ bên ngoài. Phàm những gì đến từ bên ngoài, người bây giờ gọi là tri thức, đúng nó không phải là trí tuệ. Trí tuệ nhất định phát xuất từ nội tâm, bên ngoài có thể trợ duyên, chứ bên ngoài không thể giúp chúng ta sanh trí tuệ, nhất định phải hiểu đạo lý này. Nếu bên ngoài có thể giúp chúng ta sanh trí tuệ, thì chúng ta đã không cần phiền phức như vậy.

Chư Phật Bồ Tát đại từ đại bi, có thể giúp chúng ta sanh trí tuệ chăng? Chư Phật Bồ Tát ở bên ngoài, không ở bên trong nên họ không thể, không phải Phật Bồ Tát không từ bi. Chúng ta sanh đến thế giới Cực Lạc, chúng ta có thể hưởng phước báo của Phật A Di Đà, chúng ta hưởng phước của ngài. Nhưng trí tuệ của ngài không cách nào cho chúng ta được, tự thân chúng ta phải cần cầu. Tự mình hướng đến đâu để cầu? Hướng nội cầu, không phải hướng ngoại cầu.

Chư Phật Như Lai giảng kinh thuyết pháp, không ngoài mục đích nói ra thật tướng các pháp. Cách thuyết pháp này, chúng ta hiểu chân tướng tất cả pháp, tự nhiên có thể buông bỏ ngoại duyên. Chỉ cần buông bỏ ngoại duyên, tự tâm liền khởi tác dụng, vì sao vậy? Vì tự tâm không có chướng ngại. Chướng ngại có vô lượng vô biên, Đức Phật phân nó thành hai loại lớn: Thứ nhất là phiền não chướng, thứ hai là sở tri chướng. Loại thứ nhất do chúng ta tham ái vật dục mà có, phiền não chướng do đây mà có. Loại thứ hai là do

chúng ta khát cầu tri thức tạo nên, gọi là sở tri chương, chính là dục vọng đối với tri thức.

Thứ nhất là dục vọng đối với cuộc sống vật chất, thứ hai là dục vọng đối với việc khát cầu tri thức, cầu tri dục. Nói tóm lại, tất cả phiền não đều sanh ra từ dục vọng, phải chăng dục vọng là thật? Không phải thật, là giả, vì sao? Vì tự tánh thanh tịnh tâm không có dục vọng, dục vọng sanh từ A lạ da, A lại da là vọng tâm. Vọng tâm mới có những thứ này, chân tâm không có, chân tâm không có gì cả, nhưng chân tâm của mình vốn đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Là tự tánh vốn có, không phải từ bên ngoài vào. Khi ngài Huệ Năng kiến tánh từng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, không thiếu điều gì, nên phải cầu tự nội tâm, đây là chánh pháp. Cầu từ bên ngoài là tà pháp, không phải chánh pháp.

Trong Kinh điển đại thừa nói rất rõ ràng: “Ngoài tâm không có pháp”, ở đây nói rõ biết bao. Tất cả các pháp đều là tâm hiện, thức biến, nên ngoài pháp không có tâm, tâm ở đâu? Tâm ở nơi vạn pháp, nó đã biến thành pháp tướng, tướng này khởi tác dụng, đây là chân tâm. Trong đó có tà tư tà niệm, tà tri tà kiến, nên nó biến chất, biến thành phiền não, biến thành vọng tưởng, biến thành phân biệt. Phạm những gì ở trong cảnh giới, giống như Kinh Bát Nhã nói: “tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Ở trước phần chú giải này chúng ta đọc được một câu rất hay của các bậc cổ đức: “Bất đoạn chi vô”, ở trước chúng ta đã học qua. Đích thực là vô, nhưng cái vô này nó không gián đoạn, ý niệm này nối tiếp ý niệm kia, khiến chúng ta sanh ra ngộ nhận rất lớn, tưởng rằng nó có. Không biết nó là vô, không biết nó là không, chúng ta không thể không nắm rõ vấn đề này.

Lại Vô Lượng Thọ Kinh Sớ của ngài Vọng Tây viết: “Nghĩ võng ký đoạn, thật lý hốt chứng, bỉ năng chứng tri, bất do tha sanh, tất do tâm xuất”. Lời này nói rất hay, nghĩ là phiền não, tham sân si mạn nghi, phiền não phân thành năm loại lớn. Lưới nghi đã đoạn tận, năm loại phiền não lớn này, nghi là sau cùng, nếu đoạn tận nghi, tất cả ở trước đều đoạn tận. Ở trước chưa đoạn, nghi chắc không đoạn được. Thế nên Đức Thế Tôn giáo hóa, tông chỉ là nhằm vào vấn đề này, giúp tất cả chúng sanh phá mê sanh tín, chuyển mê thành ngộ, đều hạ công phu vào chữ nghi này. Không nghi, quý vị sẽ tin, tin này gọi là chân tín, hiện tại niềm tin của chúng ta không thật, vì sao không thật? Biết, nhưng không làm được, không phải làm không được, mà do có nghi. Nếu không có chút nghi ngờ nào, chắc chắn làm được 100%. Đây cũng là một tiêu chuẩn để kiểm nghiệm công phu tu hành của bản thân, nếu chúng ta không làm được 100%, phải tin rằng căn bản nghi của mình chưa nhỏ sạch. Nên trong cuộc sống hằng ngày thường xuất hiện nhiều điều không như pháp, chính là nói việc không tương ưng với tánh được, tham sân si cũng đều là tiêu chuẩn.

Vì sao vẫn còn tham tâm? Vì sao còn keo kiệt? Vì sao còn có sân nhuế, oán hận? Vì sao còn có ngạo mạn? Tất cả đều có liên quan mật thiết với nghi, do đó chúng ta mới có thể nhận ra sự thiện xảo trong phương pháp dạy học của Đức Phật. Thủ pháp dạy học rất hay, khiến chúng ta hiểu được những đạo lý này. Thật sự minh bạch đạo lý, trí tuệ này phát từ nội tâm, trí tuệ là tự tâm chúng ta vốn có. Điều này chứng minh nó không liên quan đến tri thức, không phải tri thức, mà là trí tuệ. Tri thức là từ bên ngoài vào, trí tuệ sanh ra từ trong tâm, nhưng bên ngoài có thể giúp bên trong. Hay nói cách khác, có thể khơi dậy, dẫn dụ, khai phát trí tuệ của tự tâm chúng ta.

Đức Phật dùng phương pháp này, người học chúng ta phải biết học, biết học là sao? Các bậc cổ đức thường dạy chúng ta, dùng tâm chân thành để học, trong chân thành có nghi chăng? Không có, có nghi là không chân thành. Ấn Quang đại sư nói rất hay: “Một phần chân thành được mười phần lợi ích, mười phần chân thành được mười phần lợi ích, trăm phần chân thành được trăm phần lợi ích, vạn phần chân thành đạt được lợi ích viên mãn”. Thế nên chân thành nhất định không xen tạp nghi hoặc. Do đây có thể thấy, tâm chân thành có thể xuất hiện, nhưng phải đoạn nghi, mục đích học kinh giáo cũng chính là đây.

Vì sao Đức Phật giảng kinh thuyết pháp? Vì khiến chúng sanh dần dần hiểu rõ thật tướng các pháp. Thật sự minh bạch, tâm chân thành liền hiện tiền, vì sao vậy? Vì không còn nghi hoặc, nghĩa là chướng ngại không còn. Nghi hoặc không còn, nhất định tham sân si mạn cũng không còn, vì nó có quan hệ liên đới. Nghi là gốc!

Vô Lượng Thọ Kinh Sao của ngài Vọng Tây viết: “Nghi võng ký đoạn, thật lý hốt chứng”. Thật lý là gì? Tâm tánh. Thật lý hốt chứng chính là minh tâm kiến tánh. “Bỉ năng chứng trí”, đây là nói có thể chứng được trí tuệ đó. “Bất do tha sanh, tất do tâm xuất”, trí tuệ có thể chứng được là gì? Trong A lại da nói bốn phần, câu này chính là chứng tự chứng phần. Tự chứng phần là thật lý, tức tự tánh, làm sao biết được có tự tánh, trí tuệ này gọi là chứng tự chứng phần.

Chúng ta dùng thuật ngữ Phật giáo để nói, chứng tự chứng phần chính là trí tuệ bát nhã vốn có trong tự tánh, nó không phải bên ngoài vào. Trí tuệ này hiện tiền. Chúng ta bị phiền não nhiễu loạn, làm nó biến chất, vô lượng trí tuệ biến thành vô lượng phiền não. Chúng ta khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước làm nhiễu loạn nó. Nếu xa lìa khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, nó liền khôi phục bình thường. Bình thường chính là tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ bát nhã, Phật pháp cũng gọi nó là Phật tánh. Phật là giác, phần này trong tự tánh là giác, giác mà không mê, gọi là Phật tánh.

Pháp tánh bao hàm rất lớn, trong pháp tánh bao gồm Phật tánh, Phật tánh có thể chứng được pháp tánh. Tự tánh là tự chứng phần, Phật tánh là chứng tự chứng phần. Hiện tượng tinh thần là kiến phần, hiện tượng vật chất là tướng phần. Đây là tứ phần của A lại da, ở đây nói về A lại da rất viên mãn. Thấu triệt tứ phần, thì cũng hiểu thấu thật tướng các pháp. Khi đã minh bạch, từ đây không còn chấp trước nữa. Chẳng những không chấp trước đối với tướng phần, mà kiến phần cũng không chấp trước. Không chấp trước tướng phần, là Kinh Kim Cang nói phá bốn tướng. Không chấp trước kiến phần là phá tứ kiến, nửa bộ sau Kinh Kim Cang nói: “Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến”, đã phá tứ kiến. Phá tứ kiến là pháp thân Bồ Tát, phá tứ tướng là tiểu quả thánh nhân, đều được coi là có thành tựu.

Đoạn kinh văn trong Vô Lượng Thọ Kinh Sao, Hoàng Niệm Tổ có giải thích. “Cái vị tiêm nghi vĩnh đoạn”, tiêm là cực kỳ vi tế, chút nghi hoặc vi tế đều vĩnh viễn đoạn tận, không còn. Lúc này như thế nào? Không còn chướng ngại. “Lãng nhiên đại ngộ”, trong thiên tông nói là đại triệt đại ngộ, không còn chút nghi hoặc nào, tự nhiên đại triệt đại ngộ.

Chúng ta nghĩ đến khi ngài Huệ Năng khi còn tại thế, buổi tối ở trong phương trượng của Ngũ Tổ, Ngũ tổ giảng cho ngài nghe Kinh Kim Cang. Ngài Huệ Năng đối với Ngũ tổ vạn phần thành kính, quả thật hoàn toàn không có chút nghi ngờ nào. Ngũ tổ dùng Kinh Kim Cang, vì Kinh Kim Cang có nhân duyên với ngài, nhiều đời kiếp trong quá khứ đều học Kinh Kim Cang, duyên rất sâu. Ngũ Tổ dùng điều này để dạy ngài, quả nhiên hữu hiệu, nói đến câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền hoát nhiên đại ngộ, trí tuệ bát nhã trong tự tánh lập tức hiện tiền. Bát nhã hiện tiền chính là chiếu kiến, như Bồ Tát Quan Thế Âm vậy, nhìn thấy năm uẩn đều không. Nhìn thấy “tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Thật sự nhìn thấy hiện tượng, rốt cuộc hiện tượng là gì? Là “bất đoạn chi vô”, vi diệu không sao nói được! Ý niệm này đến ý niệm khác, đích thực không gián đoạn, nhưng mỗi ý niệm đều không tịch, đều vô sở hữu. Niệm niệm vô sở hữu, niệm niệm tất cách không, niệm niệm bất khả đắc, thật tuyệt diệu!

Từ căn bản trí khởi tác dụng chính là hậu đắc trí, hậu đắc trí hiển hiện là phương tiện thiện xảo vô lượng vô tận. Ngũ tổ lập tức truyền y bát cho ngài, ngài chính là vị tổ thứ sáu của Thiên tông. Biểu diễn này là khai thị rất lớn cho chúng ta, khiến chúng ta thấy được bí quyết giác ngộ, ngài đã giác ngộ như thế nào. Phương pháp ngũ tổ dùng rất xảo diệu, ngài Huệ Năng cũng rất biết, biết thấy, biết nghe, nên ngài mới giác ngộ, đắc đạo nhất thừa.

Trí tuệ có thể chứng được đạo nhất thừa, nhất định xuất phát từ nội tâm, chắc chắn không phải nơi khác sanh ra. Câu nói này vô cùng quan trọng.

Chúng ta muốn minh tâm kiến tánh, muốn kiến tánh thành Phật, trí tuệ này nhất định sanh ra từ nội tâm mình, không phải từ bên ngoài vào. Nếu từ bên ngoài vào, vậy chúng ta không cần tu. Phật A Di Đà đại từ đại bi, ngài có thể cho chúng ta, chúng ta thật sự có thể đạt được, không phải như vậy. Nhất định phải tự phát, tự động tự phát, không ai có thể giúp được, mười phương Chư Phật đến trước mặt chúng ta cũng đành chịu, chỉ có chính mình tự động buông bỏ nghi tình, không còn hoài nghi nữa.

Thật sự buông bỏ nghi tình, Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát liền khởi tác dụng. Họ dùng trí phương tiện để độ, để khởi phát quý vị, giống như mở tủ bảo hiểm vậy, mật mã đúng, kéo cửa là mở, đây là nhắm đúng. Mê ở chính mình, không do bên ngoài. Chúng ta hiểu được đạo lý này, thấu triệt chân tướng sự thật này, giúp ích rất lớn cho việc tu học của chúng ta, từ đây về sau không còn cầu pháp ngoài tâm nữa.

Bên dưới Hội Sớ nói: Đoạn trừ lưới nghi, thì trí tuệ tự nhiên sanh ra. Do tâm là vô sư trí, tự nhiên trí, chứ không do người khác ngộ. Vô sư trí là không có thầy, tự nhiên trí là đến khởi tâm động niệm cũng không có, tự nhiên sanh khởi vô lượng vô biên trí tuệ, không do bên ngoài sanh ra. Nên nói, tuệ do tâm sanh và không do bên ngoài ngộ.

“Thượng chi tam sớ khả dĩ hỏ tham”. Ở trên ba loại chú giải: Tịnh Ảnh Sớ, Sao của Vọng Tây, và Hội Sớ, ba loại này chúng ta có thể hợp lại để xem. “Tổng chi tác vi lãng nhiên đại ngộ, chúng nhập thật tướng”. Tổng là tổng hợp, thử xem những gì ba vị tổ sư nói, chúng ta gộp lại xem.

“Vô sư trí, tự nhiên trí đẳng đẳng diệu trí, bình nhiên tề hiện”. Vô lượng vô biên trí tuệ, bình là rõ ràng minh bạch, tự nhiên cùng hiện ra, đây là khởi tác dụng. Ngộ do tự tâm, không phải được từ bên ngoài. Ở đây lại nhắc nhở chúng ta, là chính mình, cho nên chúng ta vốn là Phật. Vốn không phải là Phật, quý vị làm sao có thể thành Phật được? Làm gì có đạo lý này! Quý vị vốn là Phật, nên không phải đạt được từ bên ngoài.

“Tùng môn nhập giả, bất thị gia trân”. Tùng môn nhập giả là gì? Từ bên ngoài vào, gia trân là trân bảo của mình. Trí tuệ, đức năng, tướng hảo là gia trân. Tự mình vốn có, không phải đạt được từ bên ngoài. Ngài Huệ Năng nói: “Bí mật ở bên trong quý vị”. Câu này ngài nói trong Pháp Bảo Đàn Kinh. Đại sư Huệ Minh trong Pháp Bảo Đàn Kinh có giới thiệu sơ lược về ông. Khi chưa xuất gia, ông là tướng quân tứ phẩm, ông là quan võ tứ phẩm, chức vị tương đối cao. Nếu chúng ta đem chức vị tướng quân đó để so với hiện nay: Nhất phẩm là thượng tướng bốn sao, nhị phẩm là thượng tướng ba sao, tam

phẩm là trung tướng, tứ phẩm là thiếu tướng. Như vậy có thể thấy được, đại sư Huệ Minh, lúc còn tại gia là tướng quân.

Khi ngài Huệ Năng được truyền y bát, nửa đêm trốn đi, tất cả mọi người trong chùa đi tìm ngài khắp nơi, muốn đoạt y bát trở lại, ngài Huệ Minh tìm gặp. Người khác không đuổi được, ông ta đuổi kịp. Lúc đó Lục Tổ không còn cách nào khác, bảo toàn tánh mạng là điều cần thiết, nên đem y bát đặt trên tảng đá bên đường, còn ngài tạm lánh mặt. Huệ Minh đuổi đến, thấy y bát mà không có người, liền đến lấy y bát, nhưng không nhắc lên được. Chư vị thử nghĩ xem, tướng quân tứ phẩm mà không cầm nổi bao y bát, ngài liền giác ngộ. Lập tức thay đổi thái độ, xin ngài Huệ Năng xuất hiện: Tôi đến không phải vì y bát, mà đến là vì cầu pháp, lập tức thay đổi thái độ. Ngài Huệ Năng nghe nói như vậy liền đi ra, đi ra ngồi trên tảng đá, đại sư Huệ Minh đến đánh lễ cầu pháp với ngài. Ngài Huệ Năng khai thị, ông ta quả thật khai ngộ, sau khi khai ngộ liền hỏi ngài Huệ Năng: còn có bí mật chăng? Ngài Huệ Năng trả lời: “Mật tại nhữ biên”, bí mật không ở bên ngoài, ở nơi chính ông. Ngài đã nói câu “mật tại nhữ biên” này, là thật không phải giả. Mật chính là ở trước nói: mật tạng của Chư Phật.

Nên biết mật tạng của Chư Phật vốn đầy đủ, ngộ liền hiển hiện, không phải đạt được từ bên ngoài. Thông thường nói theo Phật pháp, đại thừa tiểu thừa, tông môn giáo môn, hiển giáo mật giáo, đều trong tâm chúng ta, không phải bên ngoài. Nếu hướng vào tự tâm để cầu, có thể phát hiện được tất cả, hướng ra bên ngoài cầu, thì không thể cầu được. Cầu bên ngoài là cầu tri thức, ngày nay chúng ta nói: Tri thức Phật giáo, tri thức Phật học, không liên quan gì đến tự tánh.

Thế nên nói, đạt đạo nhất thừa, không phải ngộ từ bên ngoài. Nghĩa là chúng ta nhất định phải tin mình chính là Phật. Các bậc cổ đức dạy rằng: nhân tánh bản thiện- “nhân chi sơ tánh bản thiện”. Nếu chúng ta cầu học, nhất định phải khẳng định tự tánh bản thiện. Bản thiện là gì? Bản thiện chính là thánh hiền. Đức Phật nói chúng ta vốn là Phật, nếu dùng lời nói này của Phật để nói các bậc tổ tông nói: Chúng ta vốn là thánh nhân, chúng ta vốn là hiền nhân, thánh hiền ở đâu? Là chính chúng ta, không phải người khác.

Hiện nay vì sao chúng ta trở thành phàm phu như vậy? Là tự chúng ta không cần thánh hiền. Phật nói chúng ta vốn là Phật, hiện nay chúng ta không muốn làm Phật, không phải chính là ý này ư? Quả thật tất cả pháp do tâm tưởng sanh, mười pháp giới từ tâm tưởng sanh, lục đạo từ tâm tưởng sanh, tam đồ cũng là tâm tưởng sanh, Phật Bồ Tát cũng là tâm tưởng sanh, Cực Lạc, Hoa Tạng vẫn là tâm tưởng sanh. Tâm nghĩ gì, nó liền sanh ra cái đó. Nên nhớ, tất cả những hiện tượng này, bao gồm thế giới Cực Lạc, bao gồm thế giới Hoa

Tạng, địa ngục A tỳ, tất cả hiện tượng đều không phải thật, là gì? “Bất đoạn chi vô”. Lời nói này rất có ý nghĩa\_”bất đoạn chi vô”. “Tương tục chi không” và “bất đoạn chi vô”, cùng một ý nghĩa. Hoặc là “tương tục chi hữu”, hữu là giả tướng, ba câu này cùng một ý nghĩa. Quý vị ở trong hiện tượng này đã thành Phật, trong hiện tượng này không bị câu thúc, được đại tự tại.

Chúng ta có thể tận tình thương thức tất cả mọi hiện tượng, mà tuyệt đối không khởi ý niệm rằng: Tôi muốn chiếm hữu nó, tôi muốn không chế nó, không thể có ý niệm này, vì sao? Vì đây là vọng niệm, nó là không, nó là vô, sao có thể chiếm hữu? Hữu là tương tục chi hữu chứ không phải thật sự có, chắc chắn quý vị không thể chiếm hữu nó, nên được đại tự tại! Chúng ta phải hiểu đạo lý này, không thể không hiểu. Thấu triệt liền được giải thoát, liền ngộ nhập. Quý vị ngộ nhập như thế nào? Vẫn là dùng trí tuệ của tự tánh, không phải bên ngoài vào, chỉ có trí tuệ chân thật của tự tánh mới có thể ngộ nhập. Phẩm này chúng ta chỉ học đến đây, chúng ta xem tiếp bên dưới.

“Chân thật công đức đệ tam thập nhất”. Ở trước Hoàng Niệm Tổ giới thiệu cho chúng ta: “Bổn phẩm tục tiền”, nội dung phẩm này tiếp theo ở trước. “Đồng minh”, đồng là hoàn toàn tương đồng với ở trước, đều nói rõ về Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, diệu đức tự lợi lợi tha, công đức của Bồ Tát nói không cùng tận! Kinh văn chia thành ba đoạn lớn.

Đoạn lớn thứ nhất: “Tiên dĩ dụ minh”, Phật nói ví dụ trước. Đoạn thứ hai: “Minh chân thật công đức”. Đoạn thứ ba: “Mông Phật tán thán”. Bồ Tát của thế giới Cực Lạc được tất cả chư Phật trong mười phương tán thán, vì sao? Vì trí tuệ chân thật. Không phải trí tuệ chân thật, làm sao có thể chọn đạo tràng tu học này? Làm sao có thể chọn Phật A Di Đà làm thầy? Nói cách khác, quý vị đã chọn đúng trường lớp, chọn đúng thầy giáo, đây không phải may mắn, không phải ngẫu nhiên, là gì? Là trí tuệ chân thật, công đức chân thật.

Đời này không làm được công đức gì, chắc chắn nhiều đời kiếp trong quá khứ đã làm được công đức lớn, bằng không làm gì có thiện căn phước đức nhân duyên này? Mặc dù đời này tạo nhiều tội nghiệp, cũng không sao, đó là gì? Là nhất thời mê hoặc. Hiện nay đã hiểu, hiện nay hiểu được liền kết nối với thiện căn phước đức trong đời quá khứ. Chúng ta gặp pháp môn này mới có thể sanh tâm hoan hỷ, mới thật sự tin tưởng, thật sự có thể lý giải, thật sự muốn vãng sanh. Trong đời này, rất có thể quý vị được vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Bộ kinh này, bộ chú giải này là trợ duyên giúp ích rất lớn cho chúng ta, tròn tâm nguyện của chúng ta. Mời xem kinh văn.

“Kỳ trí hoàng thâm, thí như cự hải, bồ đề cao quảng, dụ nhược tu di”, giống như núi Tu di vậy. “Tự thân oai quang, siêu ư nhật nguyệt, kỳ tâm khiết

bach, do như tuyết son”. Đây là đoạn thứ nhất, đoạn thứ nhất nói: Thể của diệu đức rất tôn nghiêm thù thắng.

Đây là đoạn thứ hai: “Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng, thanh tịnh như thủy, tây chur trần cấu. Xí thanh như hỏa, siêu phiền não tâm, bất trước như phong, vô chur chướng ngại”. Đoạn thứ hai nói về đức dụng, đoạn thứ nhất nói thể của đức, đều là dùng ví dụ để nói. Đoạn thứ hai là nói về khởi dụng, đoạn thứ ba bên dưới là lợi tha.

“Pháp âm lôi chân, giác vị giác cố, vũ cam lồ pháp, nhuận chúng sanh cố, khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố. Như tịnh liên hoa, ly nhiễm ô cố, như ni câu thọ, phúc âm đại cố, như kim cang chử, phá tà chấp cố. Như thiết vi sơn, chúng ma ngoại đạo, bất năng động cố”. Đoạn này nói về ân đức lớn giáo hóa chúng sanh, chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

Thứ nhất, đây là đoạn lớn thứ nhất. Lấy các ví dụ, nói về đức hạnh lưỡng lợi của Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc. Hai đoạn ở trước là tự lợi, đoạn sau là lợi tha, nên nói đức hạnh lưỡng lợi. Đầu tiên là lấy biển lớn ví như trí tuệ hoằng thâm của Bồ Tát, dùng biển lớn làm ví dụ. Trí tuệ hoằng thâm này ví như biển lớn, chính là hai câu này. Đầu tiên lấy đại hải ví như trí tuệ hoằng thâm của Bồ Tát. Hoằng tức là rộng lớn, như Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải”. Câu kinh văn này, về sau chur vị tổ sư đem để vào trong Tam quy y. Chúng ta sáng tối đều đọc tam quy y, đây là bài tụng sáng tối đơn giản nhất: “Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải”, biên tập vào trong tam quy y. Chỗ này chúng ta nhất định phải hiểu, đặc biệt là niệm Phật vãng sanh đến cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh của thế giới Cực Lạc, người này có trí tuệ chãng? Không có trí tuệ, vì sao không có trí tuệ? Hiện tại họ không có trí tuệ. Quá khứ có trí tuệ chãng? Không thể nói quá khứ họ không có trí tuệ. Tương lai có trí tuệ chãng? Sanh đến thế giới Cực Lạc trí tuệ liền hiện tiền, vì sao? Vì không còn chướng ngại. Chúng ta có thể nói như vậy, đều là sự thật.

Mỗi người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, cho đến loài súc sanh, cho đến loài ngạ quỷ, cho đến địa ngục. Địa ngục có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc chãng? Có! Ngạ quỷ cũng có. Hiện nay hình như tôi đều nghe người ta nói, rất nhiều người nói với tôi: Quỷ, súc sanh vãng sanh nhiều hơn người, số lượng người vãng sanh không bằng ngạ quỷ súc sanh, nói như vậy có đạo lý chãng? Suy nghĩ tường tận rất có đạo lý, không phải giả.

Chúng sanh trong ba đường ác, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, họ dựa vào điều gì? Những gì tu được trong quá khứ. Đời này đọa vào tam đồ, trong



kinh có ví dụ nói: “phú quý học đạo nan”, cuộc sống người giàu có quá thoải mái, nên không muốn học đạo, họ lưu luyến cuộc sống hiện tại. Thứ hai “bần cùng học đạo nan”, ngày ba bữa cơm ăn không đủ no, làm gì có tâm để học Phật. Chúng ta đặc biệt dùng ví dụ sau cùng này, ba đường ác giống như người bần cùng, họ quá khổ, họ còn có tâm tư nào để học Phật? Họ đạt được lợi ích trong Phật pháp, toàn là nhờ phước tu ở nhân gian trong quá khứ, tu không tệt. Khi lâm mạng chung, một ý niệm sai lầm mà bị đọa vào tam đồ. Họ tu rất tinh tấn!

Khi lâm chung không đoạn tận được tham dục, đọa vào đường ngã quý. Nếu khi lâm chung có người làm họ không vừa lòng, họ còn oán hận: Tôi chưa trả thù họ. Ý niệm này khởi lên, liền đọa vào đường địa ngục. Khi lâm chung mê hoặc, không phân được thị phi chân vọng, đọa vào đường súc sanh. Thế nên người tu hành chân chính, thật sự có chút công phu, khi lâm mạng chung, một ý niệm sai lầm đã đọa vào ba đường ác, có chăng? Có! Không phải một hai người mà rất nhiều người.

Trước đây thầy Lý nói với tôi, ông dùng Liên Xã Đài Trung làm ví dụ: Một vạn người niệm Phật, thật sự vãng sanh chỉ có năm ba người, còn đại đa số đi về đâu? Đọa vào ba đường ác, do một niệm sai lầm khi lâm chung. Một niệm sai lầm khi lâm chung này rất dễ, nên chúng ta phải đề cao cảnh giác, sợ khi lâm mạng chung không giữ mình được. Phương pháp tốt nhất chính là buông bỏ vạn duyên ngay bây giờ, nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà. Khi lâm mạng chung không nhất định đến hết thọ mạng, quý vị niệm đến công phu thành phỉn tự nhiên được vãng sanh, muốn đi lúc nào thì đi lúc đó, như vậy mới nắm chắc được.

Thật sự là nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, vãng sanh khi còn sống, không phải chết rồi mới vãng sanh, thọ mạng vẫn còn nhưng không cần. Chúng ta vừa khởi lên ý niệm, không cần thọ mạng này nữa, Phật A Di Đà biết ngay, ngài liền hẹn giờ đến đưa chúng ta đi, quý vị nghĩ xem tự tại biết bao. Người như vậy có, không phải không có, đôi lúc chúng ta nhìn thấy, nghe được thì nhiều, đây là thật không phải giả. Thế nên ngay trong đời này, chỉ cần còn hơi thở thì chúng ta vẫn còn cơ hội này, không có hơi thở vào là chúng ta đã mất cơ hội, tùy nghiệp lưu chuyển, đây là điều rất đáng sợ.

Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần ở thế gian đều không quan trọng, đây là giả tướng, thời gian rất ngắn ngủi, sau khi chết không mang gì theo được. Thật sự cảnh giác được, buông bỏ vạn duyên nhất tâm niệm Phật sẽ thành công. Có năng lực, vẫn còn một chút sức lực, tận tâm tận lực làm cho chánh pháp cửu trú, giúp chúng sanh đau khổ phá mê khai ngộ, công đức này quả thật vô lượng.

Ở Nhật tôi gặp một người đồng tu, rất phát tâm, tuổi tác không lớn lắm, khoảng trên dưới 50 tuổi. Ông phát tâm dùng tài lực của mình để khắc Đại Tạng Kinh, khắc vào đâu? Khắc vào đá, điều này không dễ! Ở Phòng Sơn Bắc Kinh, chúng tôi thấy cổ nhân khắc một bộ Đại Tạng Kinh hoàn chỉnh, dùng bao nhiêu thời gian? 800 năm, không phải 80 năm, đời này qua đời khác, rất nhiều đời tiếp tục làm. Công việc này tốn hết bao nhiêu tiền, vì sao? Vì chánh pháp cứu trú, sợ tương lai, khi thiên tai ập đến, kinh điển sẽ mất đi. Nhưng quý vị đâu biết rằng, nếu một cuộc động đất lớn, Đại Tạng Kinh này không phải hủy diệt hoàn toàn sao?

Sau khời kỳ mật pháp, ngoài con đường niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc ra, phương pháp này còn có thể thực hành. Còn các tông phái khác tuy là tốt, nhưng tu không thành công, tất cả đều phải đoạn phiền não, quý vị có thể đoạn được chăng? Đức Phật nhận ra điều này từ lâu, ngài dạy rằng: Thời kỳ mật pháp chỉ có Tịnh độ thành tựu, ngoài Tịnh độ ra tất cả đều không thể. Thế nên tôi khuyên ông ấy, không nên khắc toàn bộ Đại Tạng Kinh. Chọn ra mười loại, hai mươi loại hoặc 30 loại trong Đại Tạng, lưu hành với số lượng lớn. Khắc kinh vào đá, không thể ở một nơi, tốt nhất tìm mười hoặc hai mươi chỗ, vì sao? Không đến nỗi bị hủy diệt hoàn toàn, nhất định có được vài nơi lưu lại. Như vậy mới được, mới có thể an toàn.

Còn một phương pháp, hiện nay kỹ thuật in ấn phát triển, in ấn số lượng lớn, giá thành rất thấp. Bộ kinh này tôi in mười vạn bộ, phân ra cất giữ ở mọi nơi trên toàn thế giới. Có một vài nơi gặp thiên tai, một vài nơi không có thiên tai, không phải đã lưu giữ được rồi sao? Đây là phương pháp hay. Thời cổ đại không có kỹ thuật in ấn, kinh phải viết tay, nên quả thật không đơn giản. Hiện nay kỹ thuật in ấn phát triển như thế, khiến chúng ta tiện lợi vô cùng. Tồn biết bao nhiêu tiền để khắc kinh trên đá, không bằng dùng tiền đó để in Đại Tạng Kinh. Nếu số tiền đó mà in Đại Tạng Kinh, tôi nghĩ ít nhất có thể in được mười ngàn bộ, chia ra mười ngàn nơi cất giữ, quả thật là cách duy trì huệ mạng của Phật. Cúng dường cho ai? Cúng dường người thích nghiên cứu. Không phải nghiên cứu Đại Tạng Kinh, hay học kinh giáo, cho họ cũng vô dụng. Họ để trong tủ kính, suốt đời không mở ra xem, như vậy thì lợi ích gì? Cho người thật sự nghiên cứu đọc tụng mới có lợi ích.

Như hiện nay trong chùa, cung phụng bộ Đại Tạng Kinh này, chi bằng đưa vào thư viện của khoa văn hay khoa triết của trường đại học, để họ nghiên cứu kinh giáo còn có tác dụng. Chúng ta phải phát tâm này, việc này quan trọng nhất. Thế nên nhất định phải phát tâm giống như tam quy y vậy: “đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải”. Phải giúp tất cả chúng sanh có cơ hội học tập kinh điển. Hiện nay ít người học tập, người giảng giải cũng ít. Nhân lúc khoa học kỹ thuật còn, chúng ta dùng vệ tinh,

dùng mạng internet, dùng đĩa để lưu thông. Nếu lỡ như thật sự có một ngày, như bộ điện ảnh 2012 của Mỹ, toàn bộ nền khoa học kỹ thuật bị hủy diệt. Nếu thế gian này không có điện, tất cả những vật dụng điện này đều trở thành phế vật, đến lúc đó điều gì giúp ích nhất? Kinh sách.

Ngày nay các bạn trẻ nên tinh cần nỗ lực học tập, học tập không phải vì mình, mà vì truyền pháp. Dem pháp của Thế Tôn truyền mãi đến ngàn đời sau, không đến nỗi đoạn tuyệt, công đức này vô lượng vô biên. Không nên học quá nhiều, học nhiều không đủ năng lực, chỉ học một bộ kinh. Suốt đời học một bộ kinh, giảng một bộ kinh, dạy một bộ kinh. Tinh thông một bộ kinh, trí tuệ khai mở, từ đây suy ra, quý vị học tiếp mấy bộ kinh. Học mười bộ kinh, truyền mười người, mỗi người một bộ. Mỗi người lại truyền cho mười người, liền có 100 người. Phương pháp này đã tương truyền qua nhiều đời trong suốt mấy ngàn năm nay, phương pháp này đáng tin!

Phải rất nỗ lực, ngày nay chúng ta đã biết được bí quyết, bí quyết là gì? Bí quyết là buông xả, vạn duyên buông bỏ, nhất tâm chuyên niệm, không có ai không thành công. Trên thế giới người đông, rất nhiều ngành nghề, chúng ta chỉ chọn một nghề: Truyền thừa cổ thánh tiên hiền, truyền thừa nghề của Phật Bồ Tát. Làm tốt nghề này, có thể lợi ích rất nhiều chúng sanh.

Muốn làm sự nghiệp này, trước phải thành tựu chính mình, mình chưa thành tựu, nguyện này chỉ là hư nguyện, không thể thành hiện thực. Bản thân thành tựu, mới có thể thực hiện được. Chúng ta xem tiếp câu thứ hai bên dưới.

“Kê dĩ tu di, thí Bồ Tát bồ đề chi cao diệu”, đây là câu thứ hai. Bồ đề cao rộng, ví như núi tu di, tu di là núi. Đức Phật dạy: Trung tâm của tiểu thế giới là núi tu di, núi tu di cao, núi tu di diệu, núi tu di ở đâu? Trước đây đích thực có không ít người cho rằng, núi cao nhất trên địa cầu là Hy Mã Lạp Sơn. Cho rằng đó là núi tu di của địa cầu, nhưng lại không giống với những gì trong kinh Phật nói. Trong kinh Phật nói, tứ châu của núi tu di, xung quanh là bốn châu lớn. Chúng ta là ở phương đông, phương đông của núi tu di, Ấn độ ở phương nam, phương bắc thì sao? Phương bắc là Tây Tạng, Tân Cương. Phật nói, phía bắc núi tu di là Bắc Cu Lô Châu, người ở đó phước báo rất lớn, tất cả thọ dùng đều là tự nhiên. Thọ mạng 1000 tuổi, rất ít người đoạn mạng, hầu như không nhìn thấy. Chúng ta xem người Tây Tạng, người Tân Cương, không sống được 1000 tuổi, không có phước báo lớn đó, do đó chúng ta sinh ra hoài nghi đối với tư tưởng này. Hiện nay khoa học phát triển\_Phật nói mặt trăng mặt trời chạy vòng quanh eo núi tu di\_sau khi tôi quen Hoàng Niệm Tổ, khi ông còn sống mỗi năm chúng tôi gặp nhau khoảng ba lần. Ông ra ngoài không tiện, chúng tôi đi vào dễ dàng hơn, một năm tôi đến Bắc Kinh thăm ông ít nhất ba lần. Chúng tôi nói chuyện rất hợp, vì hoàng dương bản hội tập Kinh

Vô Lượng Thọ của Hạ Liên Cư, ở hải ngoại chỉ có mình tôi, ở trong nước cũng chỉ có mình ông.

Hai chúng tôi gặp nhau rất có nhân duyên, thảo luận đến vấn đề núi tu di, ông nói với tôi: Trên thực tế núi tu di chính là trung tâm của hệ ngân hà mà các nhà khoa học hiện nay phát hiện. Trung tâm hệ ngân hà đích thực là diều là cao. Điều này nếu chur vị ở trên hư không, nhìn thấy bản đồ của hệ tinh tú này sẽ nhận ra được. Hệ ngân hà giống như một cái đĩa, hình tròn giống như đĩa đựng thức ăn vậy. Ở giữa đích thực cao lên, hai bên thấp dần xuống. Cao! Nó diều, diều là năng lượng của nó vô cùng lớn mạnh. Nó là một hắc động, danh từ khoa học gọi là hắc động, có sức mạnh khủng khiếp, đến ánh sáng đều không thoát được. Chính là nói ánh sáng đều bị nó hút vào trong đó, năng lượng khủng khiếp như vậy đấy.

Dự ngôn của Maya nói sang năm, chính là 2012, sang năm có thiên tượng rất đặc thù, chính là trung tâm của ngân hà thái dương và địa cầu xếp thành một đường thẳng. Xếp thành một đường thẳng như vậy rất phiền phức, vì năng lượng của nó quá lớn, trong trí tượng tượng người ta cho rằng, nó sẽ tạo nên bão mặt trời. Bão mặt trời thời xưa gọi là mặt trời đen, điều này được phát hiện vào thời nhà Hán, trong lịch sử đều có ghi chép. Tính chu kỳ của nó là 11 năm, 11 năm bộc phát lớn một lần. Lần này đúng lúc gặp hệ ngân hà xếp thành hàng thẳng, nên sợ nó tạo nên cơn bão lớn. Tạo nên cơn bão lớn sẽ uy hiếp đến địa cầu, uy hiếp nhỏ nhất là phóng xạ đến địa cầu, những vệ tinh trong vũ trụ sẽ bị hủy diệt hoàn toàn. Uy hiếp này đối với cư dân trên địa cầu, chưa đến nỗi tạo thành phiền phức, cao nhất là mất thông tin. Nhưng đối với hàng không có ảnh hưởng rất lớn, còn hàng hải ảnh hưởng ít hơn, không thể nói là không. Sợ nhất là bão mặt trời này, nó có một loại là phóng xạ, phóng những thứ trong mặt trời ra. Nếu những thứ đó phóng đến địa cầu, phiền phức này quả thật rất lớn, tạo thành thảm họa lớn cho địa cầu, hiện nay mọi người lo lắng điều này, có thể phát sinh chăng? Nhận xét của những người trong giới khoa học, một nửa cho rằng rất có thể, một nửa khác cho rằng không có ảnh hưởng gì lớn. Nhất định có ảnh hưởng, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng. Đây là nhận định của giới khoa học, cung cấp để chúng ta tham khảo. Thế nên có người nói sang năm, thái dương và hệ ngân hà sắp thành đường thẳng, là tháng 12 sang năm. Nói nó là ngày tận thế của trái đất, Phật giáo chúng ta không tán thành, pháp vận của Phật pháp còn 9000 năm về sau, pháp vận của Thế Tôn là một vạn 2000 năm.

Y theo ghi chép của người xưa, Đức Thế Tôn diệt độ đến nay là 3038 năm, đã qua thời kỳ chánh pháp và tượng pháp. Thời kỳ mạt pháp một vạn năm, mới qua 1000 năm, hiện nay chúng ta là năm thứ 38 của 1000 năm thứ hai. Ngày tháng ở sau còn dài, làm gì có tận thế!

Trước đây tôi thỉnh giáo Chương Gia đại sư về vấn đề này, ông nói: Thời đại mạt pháp có thiên tai, nhưng sẽ không tận thế. Trong kinh Đức Phật dạy rất rõ: Địa cầu không bị hủy diệt, nó vẫn tồn tại. Chắc chắn trên trái đất này có thiên tai, đương nhiên cũng có người gặp thiên tai, nhưng địa cầu không bị hủy diệt, Trung Quốc không bị hủy diệt, chúng ta phải có lòng tin.

Vì sao Trung quốc không bị hủy diệt? Nếu quan sát tường tận, dân tộc này 5000 năm nay, các bậc tổ tông trước đây đã làm những gì, quý vị cũng đã hiểu, các bậc tổ tông xưa đã tích đức! 5000 năm nay, bản thân họ thực hành nhân nghĩa đạo đức, giáo dục đời sau ngũ luân ngũ thường, tứ duy bát đức. Phương pháp giáo dục này không hề thay đổi cho đến cuối đời nhà Thanh. Dân tộc này dựng nước như thế nào? Dựng nước bằng nhân nghĩa đạo đức. Tuy 150 năm gần đây, chúng ta lơ là, bỏ quên luân lý đạo đức, phải lãnh chịu rất nhiều khó khăn, nhưng tuyệt đối không mất nước. Đây là đức hạnh của tổ tông, tổ tông đang gia hộ, toàn thế giới tìm không ra một gia đình giống như vậy, xây dựng bằng luân lý đạo đức. Trên toàn thế giới chỉ có một dân tộc như vậy.

Lần này tôi đến Nhật giảng kinh, tôi nói với các bạn ở Nhật: Nhật và Trung quốc là người một nhà, nên biết điều này. Văn hóa Nhật, chính là truyền thống văn hóa của Trung quốc, tôi đến Nhật như cảm thấy trở về thời cổ đại Trung quốc. Họ học theo văn hóa Trung quốc, đến nay vẫn không thay đổi, điều này thật khiến người khác tôn kính.

Lần này tôi đến Nhật giảng kinh là một vùng quê, một thị trấn nhỏ ở huyện Cang Sơn, thành phố Chân Định. Trước đây tôi tham gia hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, mở tại huyện Cang Sơn này, nên tôi đã đến đây hai lần. Ở đó có Hoa kiều, người Trung quốc, rất phát tâm, là tín đồ kiên thành của Phật giáo, họ kiến lập một đạo tràng nhỏ. Tôi đặt tên ở đây gọi là Tịnh tông học hội: Tịnh tông học hội Cang Sơn Nhật Bản. Lần này giảng kinh tại Tịnh tông học hội này, nhân dân thuần hậu chất phác, không có tham tâm.

Cư sĩ Triệu nói với tôi, cả nhà ông đi du lịch hai tuần, cửa tiệm của họ chỉ đóng không khóa, đẩy nhẹ là vào được. Tôi nghe xong liền ngơ ngác, thời đại này vẫn tồn tại tình hình này sao? Có câu: Buổi tối không đóng cửa nhà, không nhặt của rơi trên đường. Lần này là lần thứ ba tôi ở Cang Sơn, quả thật là như vậy. Thế nên Nhật Bản muốn phục hưng truyền thống văn hóa để hơn Trung quốc. Nhân dân rất thật thà chất phác, vô cùng nhân hậu, chúng tôi đến, họ tôn trọng, xem chúng tôi như người nhà. Nên tôi nói với ông ta, Trung quốc và Nhật Bản là một nhà, phải tương thân tương ái, phải hợp tác hỗ trợ lẫn nhau.

Họ gặp thảm họa lớn như thế, liền hỏi tôi dùng phương pháp nào thích hợp có thể cứu vãn được? Tôi nói dùng truyền thống văn hóa, truyền thống văn hóa toàn là văn hóa Trung quốc. Tôi nói với họ, ngày nay chỉ có một người cứu được Nhật Bản, họ hỏi tôi là ai? Tôi nói Thiên Hoàng Nhật Bản. Thiên Hoàng trong lòng nhân dân là người đáng tôn kính nhất, nếu Thiên Hoàng đứng ra đẩy mạnh phong trào giáo dục truyền thống luân lý đạo đức, nhất định thành công, thật sự cứu được Nhật Bản. Làm một tấm gương điển hình về sự hài hòa cho toàn thế giới, công đức vô lượng, là việc rất tốt!

Lần này thật hiếm có, cũng vì thiên tai phát sinh. Tiền thủ tướng Do Kỷ Phu của Cựu Sơn mời tôi, hơn nữa trưởng lão Thủy Cốc Hạnh Chánh của hội Phật giáo, cũng là bạn cũ của tôi, năm nay ông 83 tuổi. Tôi đã đến Nhật bảy lần, nên bạn bè rất nhiều. Lần này đến giảng kinh, tôi không báo với ai cả, tôi chỉ viết hai phong thư cảm ơn nhã ý thủ tướng Cựu Sơn và trưởng lão Thủy Cốc Hạnh Chánh. Chúng tôi muốn góp chút sức bạc với Nhật Bản.

Lần này họ nói với tôi, dân gian Nhật bản có truyền thuyết rằng, Thiên Hoàng đầu tiên của họ là ai? Tàn Thủy Hoàng phái Từ Phúc dẫn 500 đồng nam, 500 đồng nữ ra ngoài biển cầu thần tiên. Ra đi chưa quay đầu lại đã đến Nhật Bản. Họ nói vị Thiên Hoàng đầu tiên chính là Từ Phúc, tôi nói vậy chúng ta là người một nhà. Họ hỏi tôi, có chuyện như vậy chăng? Lịch sử Trung quốc có ghi chép, có việc này, nên tất cả đều là truyền thống văn hóa.

Khi truyền thống văn hóa Trung quốc tại Nhật có thể hưng khởi lên, cũng có thể lôi kéo theo Trung quốc, lôi kéo theo Đài Loan, là việc tốt. Chúng tôi rất hy vọng họ làm thành công. Đây là chúng ta dùng núi tu di để làm ví dụ.

Bồ đề chính là trí tuệ, bồ đề đặc biệt nói đến trí tuệ. Ở trước nói trí tuệ, ở đây bồ đề vẫn là nói đến trí tuệ. Lớn như biển rộng, cao như núi tu di, đây là tán thán trí tuệ. Quý vị thấy, trí tuệ đặt ở hàng đầu. Chỉ có trí tuệ chân thật có thể giải quyết được vấn đề, chỉ có trí tuệ chân thật mới có thể giúp quý vị chứng vô thượng Phật quả. Ở đây cũng giới thiệu sơ qua về núi tu di, đây là Hoàng Niệm Tổ giới thiệu.

Núi tu di là trung tâm của một thế giới, dịch là núi diêu cao, là trung tâm của một thế giới. Trong Huệ Lâm Âm Nghĩa nói, thời nhà Đường gọi là núi diêu cao\_ thời nhà Đường dịch thành diêu cao. Do tứ bảo kết thành, nên gọi là diêu, vượt qua các núi khác, nên nói là cao. Trên thế giới này không có ngọn núi nào cao hơn nó. Hoặc gọi là núi diêu quang. Lấy bốn màu sắc quang minh của bảo vật khác nhau để chiếu thế gian\_ bảo vật phóng quang, nên cũng gọi là diêu quang\_lại gọi là núi an minh, tên gọi này ít thấy hơn. Ở đây Hoàng Niệm Tổ đều kể ra hết.

Minh, nghĩa đầy đủ là diệu quang, lại bao hàm ý nghĩa là thanh tịnh vô cấu. An tức là định, là bất động, nên Tống Dịch nói: “Kiên cố bất động, như núi tu di”. Trong kinh luận có rất nhiều cách dịch, tư tưởng khác nhau, nên lấy điều này làm ví dụ, nói tu di là do tứ bảo kết thành. Tượng trưng cho trí tuệ của Bồ Tát, là do vạn đức làm trang nghiêm. Núi diệu cao ví như trí tuệ ở đây, không có gì cao hơn. Núi diệu quang là ví ánh sáng trí tuệ này thường chiếu soi thế gian. Núi an minh, an hiện diệu định, như như bất động. Minh ví như thanh khiết thanh tịnh, như ngọc báu trong sạch không vết nhơ.

Oai quang, ánh sáng oai đức, ánh sáng này tức là ánh sáng của trí tuệ. Oai quang này, dùng danh từ của khoa học hiện tại gọi là từ trường, nói từ trường mọi người đều biết, trên thực tế oai quang ngày nay gọi là từ trường. Điều này kinh, luận, chú sớ đều hiển thị cho chúng ta về ý nghĩa của núi tu di, tuy nói không tường tận lắm, nhưng chúng ta cũng có một khái niệm thô thiển đối với núi tu di. Nó tượng trưng cho trí tuệ, ở đây là biểu pháp, biểu cho trí tuệ\_biểu thể của trí tuệ, tướng của trí tuệ, tác dụng của trí tuệ.

Xem tiếp Ngụy Dịch bên dưới, đây chính là bản dịch của Khương Tăng Khải. Ông dịch: “Ánh sáng trí tuệ thấu suốt thanh tịnh, hơn cả ánh sáng nhật nguyệt”. Hội sớ, Hội Sớ chính là một loại chú giải trong Ngụy Dịch. Vượt qua ánh sáng nhật nguyệt, nhật nguyệt có đầy có khuyết, ánh sáng trí tuệ không như thế. Nhật nguyệt có khi xuất hiện có khi lặn, nhưng ánh sáng trí tuệ thường chiếu sáng. Nhật nguyệt không soi được nội tâm, ánh sáng trí tuệ có thể chiếu. Nhật nguyệt không chiếu sáng khắp nơi, ánh sáng trí tuệ biến mãn pháp giới\_chu là chu biến. Nên nói oai quang của tự thân, hơn cả nhật nguyệt.

Chúng ta đọc đến đây, ý nghĩa quan trọng nhất trong phần tổng kết. Ánh sáng trí tuệ là hiển lộ ra từ nội tâm mình, không phải từ bên ngoài vào. Ý nghĩa này vô cùng quan trọng, nên gọi là oai quang của tự thân. Năng lượng của nhật nguyệt quá lớn, nếu trái đất không có mặt trời, thì tất cả sinh vật trên trái đất không thể sinh tồn, nên ánh mặt trời là sinh mạng của địa cầu. Ánh mặt trời là một loại năng lượng, là cội nguồn sinh mạng của tất cả chúng sanh. Tự thân chúng ta cũng có ánh sáng, còn thù thắng hơn cả ánh sáng mặt trời, nhưng hiện nay ánh sáng này không phát ra được. Ánh sáng này đã biến chất, biến thành gì? Biến thành vô minh. Quang vốn là sáng, hiện nay không sáng, mất tác dụng chiếu sáng, đây do nguyên nhân gì? Do trong tự tâm chúng ta có chướng ngại. Chướng ngại của tự tâm, làm chướng ngại oai quang của tự thân.

Trong kinh Phật nói rất hay: “Tất cả pháp do tâm tưởng sanh”. Nhật nguyệt bên ngoài là tâm tưởng sanh, oai quang của tự thân cũng là tâm tưởng sanh, tâm tưởng quả thật không thể nghĩ bàn! Khi không có tâm tưởng, trí tuệ, đức năng\_quang là thuộc về tướng hảo trong đức năng. Nó không khởi hình

tướng, không có hình tướng, nhưng nó có thể, nó có dụng. Thể không sanh không diệt, gặp duyên nó có thể hiện tướng. Tánh thể của tự tánh, tịnh độ tông gọi là thường tịch quang.

Tịnh đó có bốn cõi, thứ nhất là thường tịch quang, thường tịch quang là tự tánh, trong tự tánh không có hiện tượng, ba loại hiện tượng đều không có. Ba loại hiện tượng là: Hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất, nó hoàn toàn không có. Nhưng tự tánh có thể hiện ra ba loại hiện tượng này. Nó hiện phải có duyên, duyên là gì? Cảm của chúng sanh. Chỉ cần chúng sanh có cảm, tự tánh tự nhiên có cảm ứng, phản ứng sẽ hiện ba loại hiện tượng này. Hiện ra hiện tượng tự nhiên\_năng lượng, hiện ra hiện tượng tinh thần\_tin tức, hiện hiện tượng vật chất. Tự nhiên năng hiện. Thế nên từ năng hiện không thể nói nó vô, từ không tịch không thể nói nó có, đây là nói tự tánh. Tánh thể là chung, tất cả vạn pháp trong biến pháp giới hư không giới đều nương nó làm thể, đều là nó biến hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: Năng sanh năng hiện, A lại da là năng biến.

Chúng ta xem chú giải Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, chú giải cổ rất ít, chỉ có một loại. Chú giải của Tiền Thanh Linh Thừa Phụ pháp sư gọi là Khoa Chú, trước đây chúng tôi học Kinh Địa Tạng, giảng Kinh Địa Tạng, đều y theo chú giải này. Chú giải này trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, tiêu đề viết rất hay! Ông dùng chữ “tánh thức”, chúng ta xem trong chú giải cổ rất ít có kiểu chữ này. Kinh Địa Tạng Khoa Chú, ông ta dùng tánh thức. Tánh là tự tánh, thức là A lại da. Tánh năng sanh năng hiện, thức năng biến, ông nói rất viên mãn.

Khoa Chú y theo Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của Thiên thai đại sư, năm đề mục này đều dùng tánh thức. Lúc đó chúng tôi nhìn thấy đề này rất hoan hỷ, rất tán thán. Thế nên người học Phật, quan trọng nhất là tin vào giáo huấn của Phật, quan trọng nhất trong giáo huấn, là nói rằng: chúng ta vốn là Phật. Nói với chúng ta rằng: Trí tuệ, đức năng là tự tánh vốn có. Chúng ta tin thật và tiếp nhận, sẽ đoạn tận được ý niệm mong cầu bên ngoài, không còn nghĩ đến cầu những thứ bên ngoài, cầu bên ngoài không được. Cầu bên ngoài toàn là tri thức, không phải trí tuệ. Cầu trí tuệ nhất định phải hướng nội cầu, nên kinh điển của Phật gọi là nội điển. Chúng tỏ những gì Phật nói, là tự tánh hiển lộ ra, không phải tri thức, không phải do Đức Thế Tôn quảng học đa văn mà có, tất cả đều là tự tánh hiển lộ.

Đức Phật rất hay, đích thực ngài dùng thời gian 12 năm cầu pháp bên ngoài, nhưng sau cùng ngài buông bỏ sở cầu 12 năm đó. Khi ngài nhập định dưới cội bồ đề, ngài buông bỏ 12 năm sở học, cũng là biểu diễn cho chúng ta xem. Nếu không chịu buông bỏ sở học, liền trở thành sở tri chướng, chướng



ngại ngại nhập định, chướng ngại ngại khai trí tuệ, chướng ngại việc minh tâm kiến tánh. Nên ngài cần phải thị hiện như vậy để chúng ta thấy, nói với chúng ta rằng: Thật sự muốn minh tâm kiến tánh, thật sự muốn trí tuệ bát nhã hiện tiền, nhất định phải hướng nội cầu. Hướng ngoại, chúng ta sai phương hướng, đi sai đường, nên thị hiện của ngài rất quan trọng.

Thêm vào đó Lục Tổ Huệ Năng của Thiên tông, thị hiện cho chúng ta thấy là thân phận một người tiều phu, là người sống nhờ sức lao động. Cuộc sống của ngài rất cực khổ, không biết chữ, không được học hành, nhưng ngài có trí tuệ, trí tuệ từ đâu đến? Đến từ nội tâm, không phải từ bên ngoài, bên ngoài ngài chưa từng xem qua. Ngoại trừ trước đó, ngày ngày ngài ra bên ngoài đi chặt củi bán củi, được chút tiền thì mua gạo mua rau, để về phụng dưỡng mẹ già. Ngài chưa từng được học hành, thế xuất thế gian đều chưa từng đọc đến, vì sao ngài lại có trí tuệ lớn như thế? Tại sao lại có biện tài như thế? Trí tuệ này từ đâu đến? Đến từ nội tâm.

Thị hiện của Thế Tôn và ngài Huệ Năng, chúng ta có thể hợp lại để xem, có thể thấu hiểu thông suốt, dần dần chúng ta có thể lãnh hội được, những phương pháp mà thánh hiền đã dùng, nó rất hữu hiệu. Giúp chúng ta khai phát trí tuệ, trí tuệ trong tự tánh có. Ngày nay chúng ta đánh mất trí tuệ, trong tâm sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Khiến trí tuệ biến thành phiền não, khiến trí tuệ biến thành sở tri chướng. Nếu chúng ta có thể buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, phiền não không còn, trí tuệ liền hiện tiền. Thế nên quý vị nói có nên học chăng? Không cần thiết! Không cần thiết, phải thật sự buông bỏ. Không buông bỏ được, như vậy thì vẫn phải học.

Phật A Di Đà đại từ đại bi, kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc, khuyên chúng ta đến đó học tập, hoàn cảnh học tập ở đó rất tốt. Đặc biệt là hoàn cảnh nhân sự, thầy tốt, trò giỏi. Phạm là người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, thân tâm thanh tịnh, không nhiễm chút trần. Đức Thế Tôn dạy chúng ta, ở đó đều là chư thượng thiện nhơn câu hội một chỗ. Chúng ta tham gia tụ hội với các bậc thượng thiện nhơn, tự mình cũng trở thành bậc thượng thiện nhơn. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc không vì điều gì khác, là để đi học, tham gia lớp bồi dưỡng. Chúng ta làm gì nhất định phải rõ ràng, minh bạch. Sau khi tốt nghiệp lớp bồi dưỡng ở đó liền tốt nghiệp, là lớp bồi dưỡng thành Phật, bảo đảm thành Phật. Bên dưới giới thiệu cho chúng ta về núi tuyết.

Nói, tuyết sơn, tức là đại tuyết sơn. Nam thiên bộ châu, núi này đặc biệt rất cao, mùa đông mùa hạ đều đóng tuyết, nên gọi là tuyết sơn. Tuyết sơn trắng bạch thanh khiết, ví như giới đức và định tịnh.

“Kinh Hưng vân: định tịnh mẫn đức, như tuyết sơn dã”, đây nói rất nhiều tổ sư đều xem đại tuyết sơn này như Hy Mã Lạp Sơn.

Hết giờ rồi, đoạn này chiều nay chúng ta học tiếp.

**Hết tập 473**